

Hướng dẫn giải các bài tập trang 116 đến 117 Bài 42: Ôn tập biểu thức số sách giáo khoa Toán lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức (KNTT) thuộc chương trình mới chi tiết và chính xác nhất sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích dành cho phụ huynh và các em học sinh.

**Giải Toán KNTT lớp 3 trang 116 Luyện tập****Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 116 Bài 1:** Tính giá trị của biểu thức

a)  $47 + 36 - 50$  b)  $731 - 680 + 19$

c)  $85 : 5 \times 4$  d)  $63 \times 2 : 7$

**Lời giải:**

a) b)

$47 + 36 - 50$   $731 - 680 + 19$

$= 83 - 50$   $= 51 + 19$

$= 33$   $= 70$

c) d)

$85 : 5 \times 4$   $63 \times 2 : 7$

$= 17 \times 4$   $= 126 : 7$

$= 68$   $= 18$

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 116 Bài 2:** Tính giá trị của biểu thức

a)  $14 \times 6 - 29$  b)  $192 - 23 \times 4$

c)  $96 : 8 + 78$  d)  $348 + 84 : 6$

**Lời giải:**

a)                      b)

$14 \times 6 - 29$     $192 - 23 \times 4$

$= 84 - 29$     $= 192 - 92$

$= 55$     $= 100$

c)                      d)

$96 : 8 + 78$     $348 + 84 : 6$

$= 12 + 78$     $= 348 + 14$

$= 90$     $= 362$

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 116 Bài 3:** Mỗi bao gạo cân nặng 30 kg, mỗi bao ngô cân nặng 45 kg. Hỏi 3 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

**Lời giải:**

Ba bao gạo nặng số kg là:

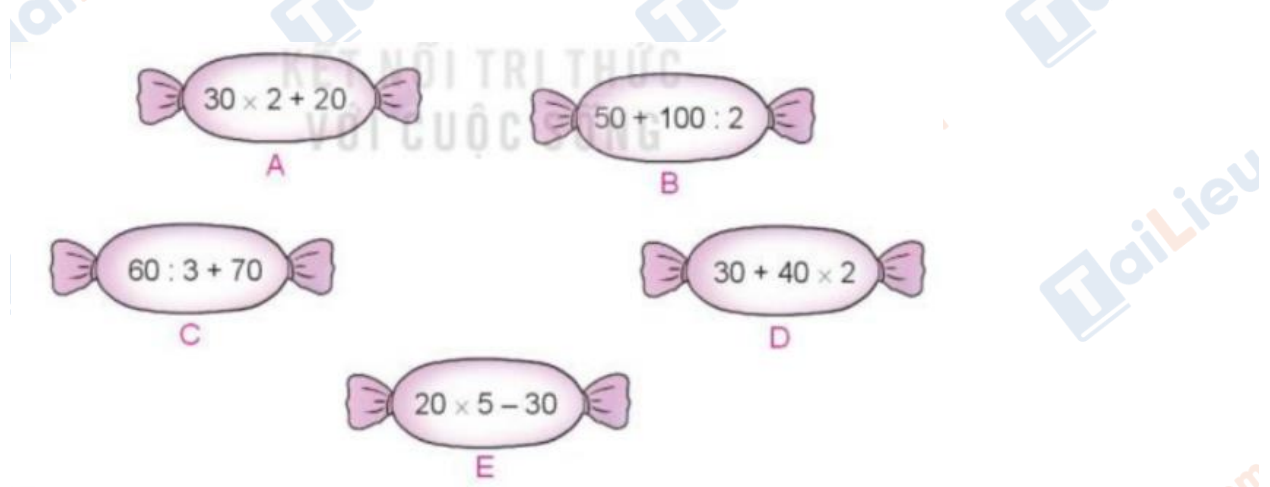
$30 \times 3 = 90$  (kg)

Cả hai bao nặng số kg là:

$90 + 45 = 135$  (kg)

Đáp số: 135 kg

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 116 Bài 4:** Những biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn hơn 80?



**Lời giải:**

A:  $30 \times 2 + 20 = 60 + 20 = 80$     D:  $30 + 40 \times 2 = 30 + 80 = 120$

B:  $50 + 100 : 2 = 50 + 50 = 100$     E:  $20 \times 5 - 30 = 100 - 30 = 70$

C:  $60 : 3 + 70 = 20 + 70 = 90$

Những biểu thức có giá trị lớn hơn 80 là: B:  $50 + 100 : 2$  và D:  $30 + 40 \times 2$

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 116 Bài 5:** Đố em!

Chọn dấu phép tính “+; -” thích hợp thay cho dấu “?”.

$5 ? 5 ? 5 = 5$

**Lời giải:**

Em có thể thực hiện các phép tính:

$5 + 5 - 5 = 10 - 5 = 5$

$$5 - 5 + 5 = 0 + 5 = 5$$

**Giải bài tập Toán Kết nối tri thức lớp 3 trang 117 Luyện tập**

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 117 Bài 1:** Tính giá trị của biểu thức

a)  $45 + (62 + 38)$    b)  $182 - (96 - 54)$

c)  $64 : (4 \times 2)$    d)  $7 \times (48 : 6)$

**Lời giải:**

a)                      b)

$$45 + (62 + 38) \quad 182 - (96 - 54)$$

$$= 45 + 100 \quad = 182 - 42$$

$$= 145 \quad = 140$$

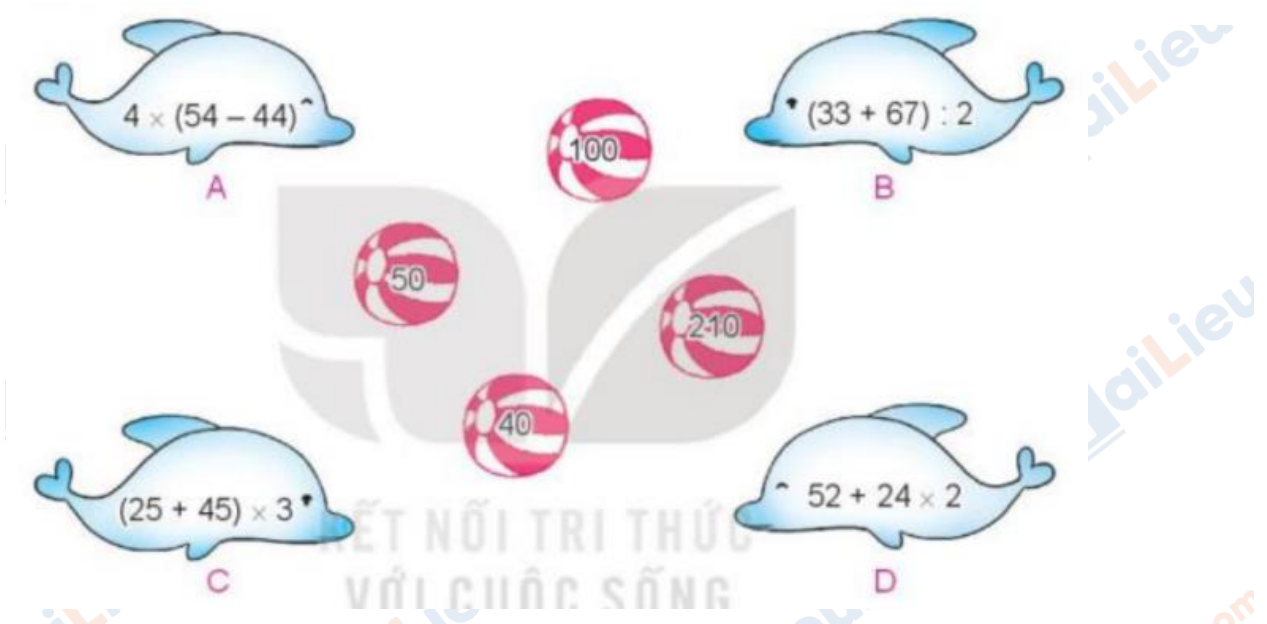
c)                      d)

$$64 : (4 \times 2) \quad 7 \times (48 : 6)$$

$$= 64 : 8 \quad = 7 \times 8$$

$$= 8 \quad = 56$$

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 117 Bài 2:** Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức dưới đây:



**Lời giải:**

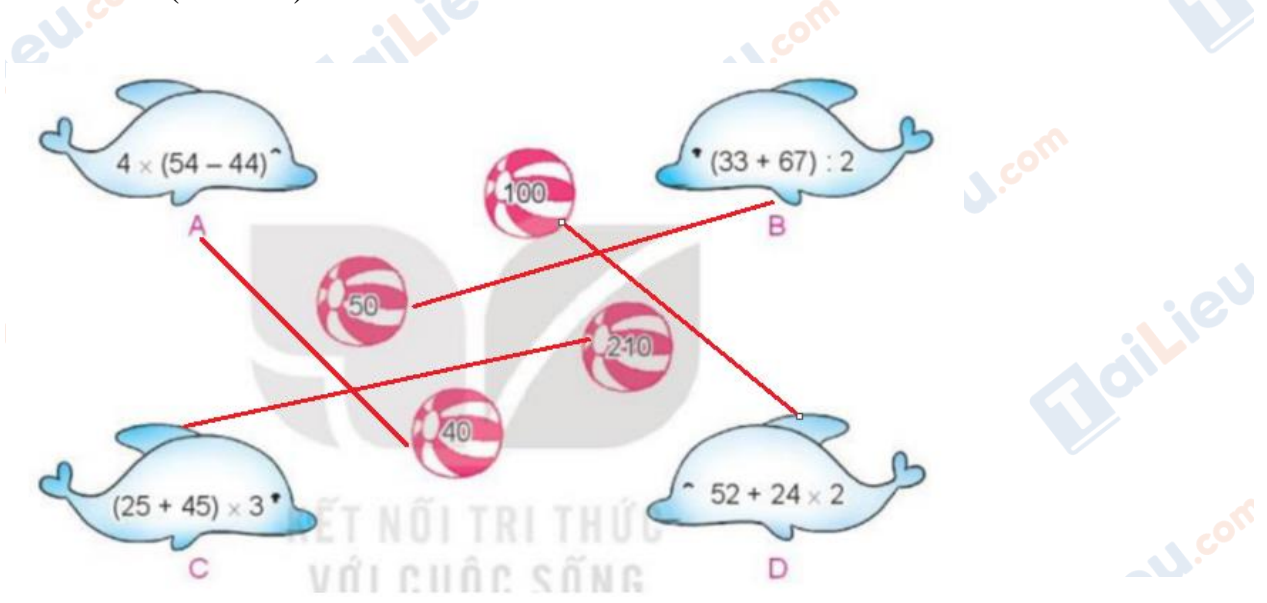
Em thực hiện các phép tính:

Cá heo A:  $4 \times (54 - 44) = 4 \times 10 = 40$

Cá heo B:  $(33 + 67) : 2 = 100 : 2 = 50$

Cá heo C:  $52 + 24 \times 2 = 52 + 48 = 100$

Cá heo D:  $(25 + 45) \times 3 = 70 \times 3 = 210$



**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 117 Bài 3: Tính giá trị của biểu thức**

a)  $27 + 34 + 66$  b)  $7 \times 5 \times 2$

**Lời giải:**

a)                      b)

$27 + 34 + 66$        $7 \times 5 \times 2$

$= 27 + (34 + 66) = 7 \times (5 \times 2)$

$= 27 + 100$            $= 7 \times 10$

$= 127$                    $= 70$

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 117 Bài 4:** Người ta đóng 288 bánh xe ô tô vào các hộp, mỗi hộp 4 bánh xe. Sau đó đóng các hộp vào các thùng, mỗi thùng 8 hộp. Hỏi người ta đóng được bao nhiêu thùng bánh xe như vậy?

**Lời giải:**

Số hộp xe được đóng là:

$288 : 4 = 72$  (hộp)

Số thùng xe được đóng là:

$72 : 8 = 9$  (thùng)

Đáp số: 9 thùng

**Giải Toán lớp 3 Tập 1 trang 117 Bài 5: Đố em!**

Chọn dấu phép tính “+; -; x; :” thích hợp thay cho dấu “?” để được biểu thức có giá trị bé nhất

$$6 \times (6 ? 6)$$

**Lời giải:**

Em tính giá trị các biểu thức:

$$6 \times (6 + 6) = 6 \times 12 = 72$$

$$6 \times (6 \times 6) = 6 \times 36 = 216$$

$$6 \times (6 - 6) = 6 \times 0 = 0$$

$$6 \times (6 : 6) = 6 \times 1 = 6$$

Vì  $0 < 6 < 72 < 216$  nên Biểu thức có giá trị bé nhất là:  $6 \times (6 - 6)$

Em chọn dấu “-“ để điền vào dấu ?.